

NỬA SAU THẾ KỈ XX - MỘT CHẶNG ĐƯỜNG NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ TIẾNG VIỆT.

Vũ Đức Nghiệu

1. Trong Ngôn ngữ số 10, 2000, với bài Nhìn lại việc nghiên cứu lịch sử tiếng Việt qua các công trình nửa đầu thế kỉ XX, chúng tôi đã có dịp trình bày tình hình nghiên cứu vấn đề hữu quan trong giai đoạn đầu: từ cuối thế kỉ XIX đến giữa thế kỉ XX. Trong bài này, chúng tôi sẽ tiếp tục trình bày việc nghiên cứu trong giai đoạn lớn thứ hai: từ giữa thế kỉ XX đến nay.

Có thể nói rằng, từ sau hai bài báo nổi tiếng của A.G. Haudricourt:

- *La place du Vietnamien dans les langues Austroasiatiques*

- *De l'origine des tons en Vietnamien*

được công bố năm 1953 và 1954 đến nay, tư tưởng của ông về nguồn gốc tiếng Việt (thuộc họ Nam Á chứ không phải thuộc họ các ngôn ngữ Thái) đã có sức thuyết phục rất cao, được hầu hết các nhà nghiên cứu cùng với tư liệu mà họ thu thập được, khẳng định, tán thành và/ hoặc ủng hộ. Hầu như trong suốt nửa thế kỷ qua, người ta không còn nghi ngờ gì về nguồn gốc Nam Á của tiếng Việt nữa, bởi vì càng ngày càng có nhiều tư liệu mới với những thông tin hết sức phong phú đã được thu thập và phân tích, so sánh dưới ánh sáng của ngôn ngữ học hiện đại. Chẳng hạn:

1.a) Rất nhiều công trình của các nhà khoa học trong và ngoài Việt Nam trực tiếp hoặc gián tiếp thảo luận, khẳng định vấn đề nêu trên, đã được công bố. Chỉ cần nhìn qua một số tác phẩm chính của một số tác giả quen thuộc như: N.D. Andreev [25], A.N. Barinova [26], F. Huffman [43], S.E. Jakhontov [7], G.Difflloth [30, 31, 32, 33, 34], M. Ferlus [35, 36], K.J. Gregerson [38, 39]... (cũng như hàng loạt nhà nghiên cứu khác và các công trình của họ - như sẽ trình bày trong điểm 4. dưới đây), chúng ta sẽ thấy được khá rõ điều đó. Ở đây, có thể nêu vài ví dụ cụ thể như:-

- Năm 1992, G. Diffloth, trong bản báo cáo *Tiếng Việt - một ngôn ngữ Môn-Khmer* [34] đưa ra 10 từ là *củi, sung, cúrt, có, rết, xương, ho, rướm, rắ, thờ* để so sánh trong nội bộ các ngôn ngữ Môn-Khmer với nhau và phục nguyên dạng Proto Mon-Khmer của chúng. Với nguồn tư liệu đối chứng hết sức phong phú, tin cậy, ông đã hoàn toàn khẳng định được một cách rất thuyết phục điều ông muốn nói; và một lần nữa làm chắc chắn thêm cho cơ sở của luận điểm về nguồn gốc tiếng Việt mà A.G. Haudricourt đã nêu năm 1953¹.

- Năm 1991, K. Gregerson cho đăng bài *Về vốn từ Nam Á trong tiếng Việt* [39], công bố những tư liệu so sánh rất thú vị và một số nhận xét kết luận rất đáng chú ý về vấn đề này. Ngụ ý về điều mà ông muốn nói, chỉ qua tiêu đề của bài nghiên cứu, cũng đã trở nên đủ rõ ràng.

1.b) Riêng vấn đề lý thuyết của A.G. Haudricourt về nguồn gốc và sự hình thành thanh điệu tiếng Việt, ý kiến và tư liệu bổ sung cũng phong phú không kém.

Nếu như trước đây H. Maspero mới chỉ tìm được tương ứng giữa thanh *hỏi - ngã* của Việt với âm cuối - *h* (- *s'* / - *s*) trong tiếng Môn, tiếng Mnông ở các từ *bảy, mũi, rế*; A.G. Haudricourt tìm được tương ứng giữa thanh *sắc - nặng* của Việt với cách kết thúc có - ? trong tiếng Khamou, tiếng Riang (thuộc ngành Palaung - Wa) ở các từ *lá, cá, chó, gạo*, thì nay, ngoài các chứng tích về sự hình thành thanh điệu ở các âm tiết (vốn là âm tiết mở) đã được phát hiện đó, các nguồn cứ liệu khác cũng đã thu thập được rất nhiều, nhờ công lao điều tra khảo sát của nhiều nhà nghiên cứu trong và ngoài Việt Nam.

Ví dụ, (x. [2], tr. 230 - 232) họ đã phát hiện được:

¹ Trong số 10 từ này, riêng từ *có* nghĩa *Sung*, G. Diffloth nói rằng không kiểm chứng được trong tiếng Việt hoặc Mường, và phục nguyên dạng Proto Vietic (Proto Việt Mường) là **kas*; dạng Proto Mon-Khmer là **ras*. Chúng tôi nghĩ rằng có lẽ ông đã bỏ qua mất dạng *cáy* (= *sung*) trong phương ngữ khu Bốn của Việt. Chính nó tương ứng với *keh* (Thavung) *kəl* (Maleng) *kiəl* / *kəal* (Rục) *kac* (Tum) *rat* (Chong) *ras* (Bahnar, Sre)...

* Khoảng hai chục từ có tương ứng giữa - h cuối của tiếng Rục với thanh *hỏi - ngã* của Việt: *ngã, ngửa, bẻ, bửa, cỏ, củi, chổi, dờ, dừ (mắt), đở, giữa, mỗ, mả, lưỡi, mũi, rế, vờ, vổ, phôi, nhỏ (bọt), và (quả)*.

* Khoảng ba chục từ có tương ứng - h (Thà vụng) với thanh *hỏi - ngã* Việt là: *báy, bẻ, vờ, vảy, bổi, và, vãi, phui, mù, mỗ, vò, đẻ, đĩa, sữa, mỗ, rủ, tổ, ổ, đở, đở, chài, cỏ, củi, gãi, gõ, mũi, muỗi, rế, lưỡi, đở (hạt)*.

* Ngoài ra, trong tiếng Khạ Phọng còn có -wh (trong các từ có nghĩa Việt tương ứng là *dâu, lão*) - lh (trong từ có nghĩa *thối*) - nh (trong các từ có nghĩa cái *thuổng, quả muỗi*) - jh (trong từ có nghĩa *bỏ dờ*). Trong một thổ ngữ của tiếng Mã Liềng có -nh (trong từ có nghĩa *óc*) - mh (trong từ có nghĩa *thức*) - uwh (trong từ có nghĩa *quay*).

Như vậy, kể cả trong tiếng Rục, Thà Vụng lẫn tiếng Khạ Phọng, Mã Liềng, cho đến nay, các kết thúc có - h tương ứng với thanh *hỏi - ngã* của Việt đã tìm được cả một dãy như: - jh, - rh, - lh, - rlh, - wh, - nh, - jh, - mh, - uwh. Đối với thanh *sắc - nặng*, nếu như trước đây, A.G. Haudricourt phải viện dẫn đến những tương ứng với âm cuối tắc thanh hầu trong tiếng Lusai - một ngôn ngữ Tạng - Miến và bản khoán vì chưa tìm thấy tương ứng đó trong các ngôn ngữ Môn - Khmer hoặc Nam Á (nói rộng hơn), thì nay, sau khi khảo sát điền dã tiếng Arem (một ngôn ngữ thân thuộc, trong cùng nhóm Việt Mường với tiếng Việt) một loạt kết thúc có [-ʔ] cũng đã được phát hiện: - mʔ, - nʔ, - ɲʔ, - jhʔ, - wʔ, - yʔ, - lʔ] (x. [2] tr. 231).

2. Mặc dù lý thuyết về thanh điệu tiếng Việt của A.G. Haudricourt đã được bổ sung bằng những cứ liệu như vậy, nhưng sức giải thích của lý thuyết đó chưa phải đã là hoàn hảo.

W.W. Gage đã phát hiện thấy các từ *si, sâu, mơ, mảy, mang* thanh *ngang, huyền* của tiếng Việt lại ứng với * - ʔ trong tiếng Riang (một ngôn ngữ thuộc ngành Palaung - Wa).

G. Diffloth phát hiện các từ Việt *sấm, bắn, mối, bụng, mụn, gói, sợi* mang thanh *sắc - nặng* lại ứng với từ mang âm cuối bình thường chứ không có * - ? trong Proto Môn-Khmer.

Để giải đáp điều băn khoăn về những sự kiện nêu trên, G. Diffloth đã xây dựng một lý thuyết mới để điều chỉnh lý thuyết của A.G. Haudricourt. Ông đề xuất cặp thuật ngữ: *creaky voice* (cách phát âm có nghiêng thanh đối) và *clear voice* (cách phát bình thường), bởi theo ông, thời xưa, các nguyên âm có đối lập nhau về hai cách phát (tạo) âm đó, và chính sự đối lập về cách phát các nguyên âm (clear / creaky) đã đưa đến những trường hợp “khác thường” như vừa nêu trên (x. 2, tr. 232).

G. Diffloth cũng cho biết rằng cứ liệu điều tra của ông khẳng định hiện tượng vừa nói là khá phổ biến và có thể điều chỉnh sơ đồ lý thuyết của A.G. Haudricourt lại như sau [2, 232].

Âm cuối	*- m *- n *- ɲ *- ɳ - Ø (< * - ?)	*- p *- t *- k *- c	*-h *-s
Nguyên âm	Clear voice (phát bình thường)	Creaky voice (có nghiêng thanh đối)	
Vô thanh	ngang	sắc	sắc
Hữu thanh	huyền	nặng	nặng
Âm đầu			hỏi
			ngã

Có thể thấy đây là một điều chỉnh và bổ sung quan trọng trong việc xác lập lý thuyết về sự hình thành thanh điệu tiếng Việt. Nhìn vào sơ đồ lý thuyết trên đây, hầu như các trường hợp bất thường về thanh điệu đều có thể có cơ sở để giải quyết được. Vấn đề hình thành ba kiểu đường nét (biến điệu) của các thanh tiếng Việt đã có thể được soi sáng một cách rõ ràng và đầy đủ hơn: nguồn gốc của chúng là ba kiểu kết thúc âm tiết và hai cách phát khác nhau (có hay không có sự nghiêng thanh đối) của các nguyên âm hoặc vần của thời trước. Nguồn gốc này phải có từ lâu, từ thời tiền Việt Mường.

3. Về vấn đề cấu tạo từ và hình thái, trước đây, để phản bác ý kiến của H. Maspero cho rằng tiếng Môn-Khmer có những phụ tố, nhất là tiền tố và trung tố để phái sinh từ mới; còn tiếng Việt hoàn toàn không có; năm 1924, J. Przyluski cho rằng không thể nói trong tiếng Việt không có các tiền tố [x. 11], năm 1953, A.G. Haudricourt [8] đã đưa dẫn chứng về các tương ứng với cặp từ *chết* - *giết* trong các ngôn ngữ Việt, Phong, Khomú, Lamet, Kuy, Khmer, Môn, và năm 1958, N.D. Andreev [25] cũng hoàn toàn tán đồng với ý kiến của J. Przyluski.

Gần đây, năm 1977 M.Ferlus trong bài *L'infixe instrumental RN en Khamou et sa trace en Vietnamien* [35] (Trung tố cấu tạo danh từ công cụ RN trong tiếng Khamou và tàn dư của nó trong tiếng Việt) và Nguyễn Văn Lợi năm 1992 trong bài *Trung tố cấu tạo danh từ Proto Việt Mường và dấu vết của chúng trong tiếng Việt hiện đại* [15] đã đưa ra những tư liệu khá phong phú và rất đáng tin cậy để chứng minh rằng: tuy chỉ còn là những tàn dư mờ nhạt, nhưng rõ ràng tiếng Việt trong quá trình phát triển lịch sử của nó, đã từng có trung tố -R-, trung tố -N- để cấu tạo danh từ phái sinh từ động từ tương ứng, ví dụ:

đan - *nan*; *cặp* (Đ) - *cặp* (D)

kep - *nep*; *mới* (Đ) - (*cái*) *mới* (D)... và nó đã chuyển dần từ trạng thái có phụ tố sang không phụ tố (cũng như đã từng chuyển từ trạng thái không thanh điệu sang trạng thái có thanh điệu).

4. Trên thực tế, từ sau khi tư tưởng của A.G. Haudricourt về nguồn gốc tiếng Việt được công bố đến nay, xung quanh những vấn đề lý luận và giải thuyết hữu quan, tuy có đôi chỗ, đôi lúc, ở người này người kia, còn có ý kiến³, có điểm hơi khác biệt, nhưng hoàn toàn chưa có những đảo lộn hoặc thay đổi lớn gì đáng kể. Mặt khác, nguồn tư liệu (*đặc biệt là tư liệu về các ngôn ngữ dân tộc thiểu số có quan hệ cội nguồn gần xa với tiếng Việt*) bổ sung cho tư liệu của A. G. Haudricourt hoặc chứng minh thêm cho luận điểm của ông càng ngày càng được thu thập phong phú, đầy đủ hơn, cả trên bề rộng lẫn bề sâu. Rộng là ở chỗ hàng loạt ngôn ngữ đó

đã (và vẫn đang tiếp tục) được phát hiện, khảo sát; cội nguồn và diễn trình lịch sử tiếng Việt được nghiên cứu trong mối quan hệ với cội nguồn và bối cảnh của nhiều ngôn ngữ thân thuộc khác; sâu là ở chỗ nhiều bình diện cụ thể của chúng (như ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp...) cũng đã được điều tra khá kỹ lưỡng. Chính các tư liệu này đã và sẽ còn soi sáng thêm những mắt xích bị đứt đoạn hay những vấn đề còn ẩn khuất của lịch sử tiếng Việt cũng như vị trí của nó trong nhánh phả hệ với các ngôn ngữ Vietic khác.

Trong điểm 1. bên trên, để tiện cho việc trình bày, chúng tôi mới chỉ điểm qua vài ba công trình nghiên cứu trực tiếp liên quan đến vấn đề của tiếng Việt. Thực ra, bên cạnh các công trình đó, còn rất nhiều công trình khác mà trong khuôn khổ một bài viết này chúng tôi không thể (và cũng không nhất thiết phải) liệt kê một cách thật đầy đủ và chi tiết. Năm 1994, Miriam A. Barker, trong tạp chí *Mon Khmer studies* số XXIII có công bố một thư mục các công trình nghiên cứu về tiếng Mường và các nhóm ngôn ngữ Vietic [44]. Nhìn vào bảng thư mục tuy chưa thật đầy đủ (vì thời điểm công bố là 1994, chưa cập nhật tới năm 2000), chúng ta vẫn dễ dàng thấy được hàng loạt công trình, hoặc là trực tiếp, hoặc là gián tiếp, khi thì nghiên cứu những vấn đề của tiếng Việt trong quan hệ với các ngôn ngữ họ hàng, khi thì nghiên cứu vấn đề của các ngôn ngữ họ hàng trong mối quan hệ với tiếng Việt; nhược bằng không phải vậy thì các công trình ấy cũng cung cấp những tư liệu rất hữu ích đối với những vấn đề hữu quan của tiếng Việt. Ví dụ:

+ Nghiên cứu những vấn đề của tiếng Mường hoặc Proto Việt Mường, hoặc các ngôn ngữ Vietic nói chung (với vấn đề của tiếng Việt): Barker; Milton E., 1963, 1966; Barker, Milton E. and Muriel A., 1970; Diffloth G., 1982; Ferlus M., 1974b, 1975, 1978, 1991; Hà Văn Tấn, Phạm Đức Dương, 1978; Hamp, Eric P., 1966; Hayes, La Vaughn H., 1992; Nguyễn Khắc Hùng, Ngô Vĩnh Bình, 1981; Trần Trí Dõi, 1988, 1991; Nguyễn Hữu Hoàn, 1988; Nguyễn Văn Lợi, 1988, 1991, 1992; Nguyễn Văn Tài, 1975, 1978a, 1978b, 1984, 1986, 1988a, 1988c, 1992; Phạm Đức Dương, 1978, 1979, 1981, 1983, 1986 1987; Phạm Đức Dương, Nguyễn Tương

Lai, Lê Văn Dương, 1978; Thomas, David D., 1966; Thompson, Laurence C., 1976; Willson, Ruth S., 1966; Sokolovskaja N.K., 1976, 1978...

+ Nghiên cứu vấn đề của các ngôn ngữ Vietic cụ thể khác (vấn đề của tiếng Việt):

- Nghiên cứu tiếng Mày / Rục / Sách / Arem (các ngôn ngữ nhóm Chứt); Nguyễn Phú Phong, Trần Trí Dõi, Ferlus M., 1988; Trần Trí Dõi, 1985, 1987; Phạm Đức Dương, 1973, 1975; Đoàn Văn Phúc, 1986; Võ Xuân Trang, 1992...

- Nghiên cứu tiếng Kha Phọng, Mã Liềng: Đoàn Văn Phúc, 1978; Nguyễn Tương Lai, Lê Văn Dương, 1978...

- Nghiên cứu tiếng Đan Lai, Ly Hà, Poọng, Cuối Chăm, Cuối Niêu, Uý Lô: Đặng Nghiêm Vạn, Nguyễn ánh Ngọc, 1973; Quế Lai, 1980; Nguyễn Tương Lai, 1978; Nguyễn Khắc Hùng, Lê Văn Trường, 1988...

- Nghiên cứu tiếng Thà Vụng: Diffloth G., 1990; Ferlus M., 1974a, 1979; Hayes, La Vaughn, 1982b, 1983...

Có một điều cũng cần nói đến nữa là, gần đây, có khá nhiều công trình nghiên cứu trong và ngoài Việt Nam thảo luận về vấn đề xác định các ngôn ngữ thành viên trong nhóm Vietic cũng như vị trí của tiếng Việt và các ngôn ngữ đó. (Ví dụ: Diffloth G., 1982; Ferlus M., 1974b; Hayes, La Vaughn, 1992; Sokolovskaja N.K., 1978; Hoàng Mai Hạnh, 1980; Nguyễn Hữu Hoàn, 1988; Nguyễn Văn Tài, 1975, 1976, 1978a, 1978b, 1986; Phạm Đức Dương, 1975, 1979...).

Nhìn chung, ý kiến của các nhà nghiên cứu đó tuy không phải là giống nhau hoàn toàn, nhưng sự khác biệt giữa họ cũng không phải là lớn và căn bản.

Ngoài những điều vừa nói trên đây, nhờ các nguồn tư liệu nghiên cứu càng ngày càng phong phú hơn mà vị trí khởi nguyên của tiếng Việt cũng như của nhóm ngôn ngữ Vietic trong cội nguồn Môn Khmer càng ngày càng trở nên cụ thể và xác định hơn.

Về vấn đề này, năm 1953, A.G. Haudricourt viết: “Vị trí của tiếng Việt phải là ở trong họ Nam Á giữa nhóm Palaung-Wa ở Tây bắc và nhóm Môn Khmer ở Tây nam” [8, 20]. Như vậy, tuy A.G. Haudricourt không nói hẳn ra, nhưng chúng ta có thể đoán được ngụ ý của ông là: tiếng Việt thuộc về và ở vào vị trí của nhánh các ngôn ngữ Môn Khmer Bắc.

Gần đây, tư liệu khảo cứu của G. Diffloth trong bài *Vietnamese as a Mon-Khmer language* [34] có ý xác định hơn, cho vị trí của tiếng Việt là thuộc khối Katuic của nhánh Môn Khmer Đông; và các tư liệu chứng minh của M. Ferlus trong bài *Sur l'origine géographique des langues Viet Muong* [37] cũng xác nhận và chia sẻ tư tưởng đó.

Trong bài báo vừa nói, ở ngay phần mở đầu, M. Ferlus viết: “Tôi cho rằng cần phải coi cái nôi của Việt Mường là ở phía tây của dãy Trường Sơn, đâu đó vào quãng miền thượng vùng trung lưu sông Mê công” [37, 52]; và đến cuối bài, ông viết tiếp: “... chúng tôi cho rằng nơi cư trú cũ của các ngôn ngữ Việt Mường là ở miền thượng vùng trung lưu sông Mê công và phần phía bắc cao nguyên Co-rat. Từ đó có thể thấy rằng các ngôn ngữ Việt Mường đã tản dần về phía bắc, nơi được bao phủ bởi các ngôn ngữ Khamou, Phay, Lamet; và rồi cũng tản về phía đông và đông bắc bằng cách tràn qua dãy Trường Sơn ở quãng miền Trung Việt Nam” [37, tr.58].

Mới đây, năm 1995, Nguyễn Tài Cẩn sau khi nhắc đến ý kiến về vấn đề này của G. Diffloth, M. Ferlus, S.E. Jakhontov cùng với tư liệu văn bia Khmer của Coedes cũng đồng ý cho rằng: “Địa bàn cư trú ban đầu của cư dân nói tiếng Proto-Việt Chứt là vùng kéo dài từ khu vực miền núi Hà Tĩnh, Quảng Bình-Quảng Trị sang đến Trung Lào” [2, tr.319].

5. Bên cạnh việc nghiên cứu, xác định cội nguồn tiếng Việt, những cứ liệu và ý kiến khẳng định thêm tư tưởng của A.G. Haudricourt và củng cố thêm quan điểm về nguồn gốc Môn - Khmer, Nam Á của tiếng Việt... như đã trình bày bên

trên; trong nửa sau thế kỉ XX, việc nghiên cứu các trạng thái và bộ phận của nó trong các giai đoạn phát triển lịch sử khác nhau, cũng đã được chú ý và đã đạt được những kết quả quan trọng. Nếu không kể hàng loạt nhiều công trình công bố dưới dạng các bài báo trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trong và ngoài Việt Nam, không kể tác phẩm của H. Maspero đã đề cập bên trên, thì ít nhất cũng có thể nhắc tới một số công trình tiêu biểu được công bố dưới dạng các sách hoặc chuyên luận như sau:

5.1. Gregerson K.J. căn cứ chủ yếu trên *Từ điển Việt - Bồ Đào Nha - La tinh* của A. De. Rhodes (1651) và các tư liệu hữu quan khác, đã phục nguyên và miêu tả một cách rất chi tiết hệ thống âm vị của tiếng Việt thời kỳ đó trong hai công trình.

- *The phonemes of Middle Vietnamese* (M.A. Thesis, University of Washington, 1963).

- *A Study of Middle Vietnamese phonology* (Bulletin de la Societe des etudes Indochinoises. 44, No.2) năm 1969 [38].

5.2. Sokolovskaja N.K. trong luận án phó tiến sĩ năm 1978 tại Nga đã trình bày các kết quả phục nguyên hệ thống âm vị tiếng Việt lên tới giai đoạn Việt Mường chung [18].

5.3. Năm 1979 cuốn sách *Nguồn gốc và quá trình hình thành cách đọc Hán Việt* của Nguyễn Tài Cẩn - một công trình đầu tiên ở Việt Nam nghiên cứu về vấn đề này một cách hệ thống và cơ bản nhất - được công bố. Ai cũng biết vai trò và giá trị của bộ phận từ ngữ Hán Việt trong tiếng Việt là hết sức quan trọng, nhưng đến công trình này, các vấn đề cốt yếu như: xuất phát điểm của cách đọc Hán Việt, quá trình diễn biến từ hệ thống thanh mẫu, hệ thống vận mẫu, hệ thống thanh điệu tiếng Hán thế kỷ VIII - IX đến hệ thống phụ âm đầu, hệ thống vần và hệ thống thanh điệu Hán Việt... mới được nghiên cứu một cách đầy đủ và có hệ thống.

Điều đặc biệt là, khác với các nhà nghiên cứu như B. Karlgren (1915), H. Maspero (1912), T. Mineya (1972), Vương Lực (1958), Lý Vinh (1952), J. Hashimoto (1984), S.A. Starostin (1989), ông (Nguyễn Tài Cẩn) *phục nguyên, xác định hệ thống 8 nguyên âm trong Thiết vận; đồng thời nghiên cứu cả quá trình diễn biến trong tiếng Hán suốt từ thời Thiết vận cho đến thời kỳ hình thành cách đọc Hán Việt. Quá trình diễn biến trong thời gian ba thế kỷ đó, H. Maspero và cả S.A. Starostin [28] đều đã bỏ qua, chỉ trình bày hệ thống ngữ âm tiếng Hán ở hai thời điểm: thời điểm của Thiết vận rồi chuyển luôn sang hệ thống ở vào thời điểm hình thành cách đọc Hán Việt.*

5.4. Năm 1993, Nguyễn Ngọc San công bố công trình *Tìm hiểu về tiếng Việt lịch sử*, phác thảo những nét cơ bản của ngữ âm tiếng Việt qua các giai đoạn: tiền Việt - Mường, Việt - Mường chung, Việt tách khỏi Mường và một số vấn đề về từ vựng, ngữ pháp tiếng Việt trong lịch sử.

5.5. Năm 1995, Nguyễn Tài Cẩn công bố giáo trình *Lịch sử ngữ âm tiếng Việt*. Với tư cách một cuốn sách giáo khoa dành cho sinh viên chuyên ngành ngôn ngữ học, giáo trình đã xuất phát từ trạng thái tiếng Việt hiện đại truy tìm ngược về quá khứ, xác định nguồn gốc và quá trình diễn biến của các âm thuộc các hệ thống âm đầu, âm đệm, nguyên âm, âm cuối và thanh điệu của tiếng Việt; đồng thời giáo trình cũng dành hẳn phần thứ ba trình bày toàn bộ các bước đường diễn biến của ngữ âm tiếng Việt từ thời Proto Việt Chứt (tương đương với thuật ngữ Proto Việt Mường quen thuộc) qua giai đoạn phân chia thành hai nhánh Poọng - Chứt và Việt - Mường, rồi từ Việt Mường chung đến Nguồn, Mường và Việt tách riêng, từ Việt sơ kì đến Việt cận đại...

Có thể nói, cho đến nay, đây là công trình nghiên cứu đầy đủ và hệ thống nhất về lịch sử ngữ âm tiếng Việt, và điều đặc biệt của nó là ở chỗ: các quan hệ cội nguồn, quan hệ tiếp xúc giữa tiếng Việt với các ngôn ngữ thân thuộc, giữa tiếng Việt với tiếng Hán; ảnh hưởng của tiếng Hán đối với tiếng Việt và các ngôn

ngữ thiếu số khác ở Việt Nam... đã được chú ý phân tích và đánh giá một cách hợp lý trong toàn bộ bối cảnh chung, khiến cho vấn đề được nhìn nhận và trình bày một cách toàn diện hơn.

5.6. Hệ thống ngữ âm tiếng Việt thế kỉ XV - XVI được Vương Lộc nghiên cứu và trình bày trong công trình giới thiệu và chú giải *An Nam dịch ngữ* của ông. Việc tái lập bảng từ vựng, tái lập các âm đầu, tái lập hệ thống vần... đã được tiến hành một cách hết sức tỉ mỉ, công phu và minh xác hơn so với các kết quả nghiên cứu và chú giải trước đây của các học giả như: E. Gaspadone với *Le lexique annamite de Ming* (1953), Trần Kinh Hoà với *An Nam dịch ngữ khảo thích* (1953), J. Davidson (1975) với *A new version of the Chinese - Vietnamese vocabulary of the Ming dynasty* [29].

5.7. Riêng một số nghiên cứu khác về vấn đề ngữ pháp lịch sử, tuy chưa có được những công trình chuyên khảo công bố dưới dạng sách mà mới chỉ có các bài nghiên cứu riêng biệt nhưng cũng đã đạt được những kết quả rất đáng trân trọng ở những đề tài khá đa dạng. Người thì nghiên cứu về đặc điểm ngữ pháp của các từ phụ cho động từ, hoặc đặc điểm ngữ pháp của loại từ tiếng Việt thế kỉ XVII (Đình Văn Đức, Nguyễn Văn Chính, Phạm Tú, Nguyễn Văn Ấp [5. 6]), người thì nghiên cứu về cách dùng các từ *một, phôi, thay thay, cả và, những, các, mọi, cả* trong văn xuôi cuối thế kỉ XVIII đầu thế kỉ XIX (Trần Thị Mỹ, Nguyễn Thiện Nam [17]), người thì nghiên cứu điều tra cơ bản về các hư từ trong một số văn bản thành văn thế kỉ XV (Vũ Đức Nghiệu [18]), người lại nghiên cứu về sự diễn biến của các hư từ chỉ nguyên nhân, nghiên cứu hiện tượng giao thoa ngữ pháp từ tiếng Hán sang tiếng Việt qua tác phẩm *Khoá hư lục giải âm*, nghiên cứu quá trình hình thành chức năng quan hệ từ của “cho nên”, nghiên cứu đặc điểm văn xuôi cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX... (Stankievich [20, 21, 22, 23, 24]).

5.8. Như vậy, nếu sắp xếp các công trình vừa nêu trên theo thứ tự niên đại của đối tượng cụ thể được nghiên cứu, chúng ta có thể khá dễ dàng hình dung

được phân nào diện mạo của tiếng Việt (đặc biệt là mặt ngữ âm của nó) qua các giai đoạn lớn khác nhau trong toàn bộ quá trình phát triển lịch sử của nó, ít nhất cũng là từ giai đoạn Proto Việt Chứt đến giai đoạn cận kim và hiện nay.

6. Kết luận

Nhìn lại khoảng một thế kỉ nghiên cứu lịch sử tiếng Việt, đến nay chúng ta đã có thể nhận xét được đôi điều như sau:

6.1. Vấn đề nguồn gốc Môn - Khmer, họ Nam Á của tiếng Việt kể từ bắt đầu nửa sau thế kỉ XX, càng ngày càng được các nhà nghiên cứu chấp thuận, ủng hộ và khẳng định. Vấn đề trở nên đã rất rõ ràng.

Tuy nhiên, phải thấy rằng mỗi giai đoạn nghiên cứu vấn đề này trong ba giai đoạn phân chia bên trên đều có những nét riêng của chúng.

Giai đoạn trước công trình của H. Maspero là giai đoạn mà vấn đề nguồn gốc tiếng Việt đã chỉ được nghiên cứu "kèm theo" trong khi các học giả châu Âu nghiên cứu những vấn đề khác hoặc chỉ được đề cập trong khi họ nghiên cứu nguồn gốc của (nhóm) các ngôn ngữ khác trong vùng. Lúc đó, vấn đề cũng chưa được nghiên cứu một cách hệ thống, với nguồn tư liệu đủ phong phú để có thể hình thành một chủ thuyết về mặt lí luận đối với cội nguồn tiếng Việt.

Giai đoạn từ công trình của H. Maspero đến trước công trình của A.G. Haudricourt (năm 1953 - 1954) là thời gian ngự trị chủ yếu của quan niệm coi tiếng Việt thuộc họ các ngôn ngữ Thái, nhờ các khảo cứu rất công phu và cũng rất có hệ thống của *E'tude sur la phonetique historique de la langue annamite. Les initiales* [16].

Từ giữa thế kỉ XX, với các mốc là hai công trình nổi tiếng của A. G. Haudricourt như chúng ta đã biết, cái nhìn đối với cội nguồn tiếng Việt đã thay đổi hẳn, và vấn đề đã được nghiên cứu một cách có hệ thống hơn cả về lí luận lẫn tư liệu khảo sát. Quan điểm chủ đạo từ 1953 - 1954 đến nay là quan điểm về nguồn gốc Môn Khmer, ngữ hệ Nam Á của tiếng Việt; và điều dễ thấy nhất là

suốt nửa cuối của thế kỉ XX này, càng ngày càng có nhiều tư liệu được phát hiện, mà hầu như các nguồn tư liệu ấy đều góp phần chứng minh, khẳng định thêm hoặc chỉ hiệu chỉnh lại một vài chi tiết nào đó trong chủ thuyết của A.G. Haudricourt. Mặt khác, cũng chính các tư liệu ấy đã góp phần làm cho sự định vị vùng “cổ hương” của các ngôn ngữ Việt - Mường càng ngày càng trở nên rõ ràng hơn, xác định hơn và có nhiều sức thuyết phục hơn.

6.2. Những nét lớn qua các bước diễn biến chính của lịch sử tiếng Việt đã được nghiên cứu và phác họa theo tiến trình phát triển của nó. Tuy nhiên, các kết quả nghiên cứu lớn và có tính hệ thống hơn, đều đã thuộc về lĩnh vực ngữ âm chứ chưa phải là ngữ pháp và từ vựng, ngữ nghĩa hoặc các lĩnh vực khác.

Tuy công việc đã đạt được những kết quả rất có ý nghĩa nhưng cũng còn hàng loạt câu hỏi cụ thể còn bỏ ngỏ, còn cần được tiếp tục nghiên cứu và giải đáp.

Trong số các câu hỏi và vấn đề vừa phong phú vừa phức tạp ấy, có một vấn đề không đơn giản chút nào là sự tiếp xúc và ảnh hưởng của họ ngôn ngữ Thái - Kadai với Việt. Các nhà nghiên cứu đều dễ nhất trí cho rằng tiếng Việt đã có sự tiếp xúc rất sớm và rất sâu nặng với Thái - Kadai về nhiều mặt; và chính điều này đã làm cho Việt cũng như Mường đã từ bỏ nhiều nét Môn - Khmer từ trong “thâm căn cố đế” của mình, để trở thành một ngôn ngữ âm tiết tính triệt để và có thanh điệu. Sự tiếp xúc và ảnh hưởng ấy mạnh đến nỗi các hệ quả của nó đã khiến một học giả uyên bác và sâu sắc như H. Maspero năm 1912 và liền sau đó, một số người ủng hộ ông, đã qui tiếng Việt vào họ các ngôn ngữ Thái.

Nhưng sự ảnh hưởng và tiếp xúc ấy như thế nào, đến những tầm mức cụ thể ở từng cấp độ như thế nào... tất cả đều còn đang chờ đợi và đáng được dành cho một sự nghiên cứu thật kĩ lưỡng và toàn diện.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Nguyễn Tài Cẩn*, Nguồn gốc và quá trình hình thành cách đọc Hán Việt, *Nxb KHXH, H., 1979.*
2. *Nguyễn Tài Cẩn*, Giáo trình lịch sử ngữ âm tiếng Việt, *Nxb GD, H., 1995.*

3. Nguyễn Tài Cẩn, Thử phân kì lịch sử mười hai thế kỉ của tiếng Việt, *T/c Ngôn ngữ*, số 6, 1998, tr. 7 - 12.
4. Phạm Đức Dương, Nguồn gốc tiếng Việt: từ tiền Việt Mường đến Việt Mường chung, *Sách: "Tiếp xúc ngôn ngữ ở Đông Nam Á"*, Viện Đông Nam Á, 1983, tr. 76 - 133.
5. Đinh Văn Đức, Nguyễn Văn Chính, Phạm Tú, Vài nhận xét về đặc điểm ngữ pháp của các từ phụ cho động từ trong tiếng Việt qua một số văn bản thế kỉ XVII của giáo hội Thiên chúa, *T/c Ngôn ngữ*, số 3 - 4, 1981, tr. 51 - 60.
6. Đinh Văn Đức, Nguyễn Văn Ấp, Một vài nhận xét về các đặc điểm ngữ pháp của loại từ tiếng Việt thế kỉ XVII, *T/c Ngôn ngữ*, số 2, 1983, tr. 43 - 51.
7. Jakhontov S.E., Về sự phân loại các ngôn ngữ ở Đông Nam châu Á, *T/c Ngôn ngữ*, số 1, 1991, tr. 75 - 77.
8. Haudricourt A.G., Vị trí của tiếng Việt trong các ngôn ngữ Nam Á, *T/c Ngôn ngữ*, số 1, 1991, tr. 19 - 22.
9. Haudricourt A.G., Về nguồn gốc các thanh của tiếng Việt, *T/c Ngôn ngữ*, số 1, 1991, tr. 23 - 31.
10. Haudricourt A.G., Giới hạn và nối kết của các ngôn ngữ Nam Á, *T/c Ngôn ngữ*, số 1, 1991, tr. 32 - 40.
11. Hồ Lê, Những sự nghiên cứu và tranh luận của nước ngoài xung quanh vấn đề nguồn gốc tiếng Việt, *T/c Ngôn ngữ*, số 4, 1971, tr. 42 - 59.
12. Bình Nguyễn Lộc, Nguồn gốc Mã Lai của dân tộc Việt Nam, *Bách bộc*, Sài Gòn, 1971.
13. Vương Lộc, Henri Maspero và công trình "Nghiên cứu ngữ âm lịch sử tiếng An Nam. Các âm đầu", *T/c Ngôn ngữ*, số 3, 1997, tr. 34 - 39.
14. Vương Lộc, An Nam dịch ngữ (giới thiệu và chú giải), *Nxb Đà Nẵng - Trung tâm từ điển học*, 1995.
15. Nguyễn Văn Lợi, Trung tố cấu tạo danh từ Proto Việt Mường và dấu vết của chúng trong tiếng Việt hiện đại, *T/c Ngôn ngữ*, số 2, 1992, tr. 29 - 36.
16. Maspero H., Etude sur la phonetique historique de la langue annamite. Les initiales, *BEFEO*, Vol. 12, No. 1, pp. 1 - 127 (*Bản dịch của Khoa ngữ văn, Đại học tổng hợp Hà Nội*).
17. Trần Thị Mỹ, Nguyễn Thiện Nam, Một vài nhận xét về cách dùng các từ "một, pho, thay thay, cả và..." trong văn xuôi cuối thế kỉ XVIII đầu thế kỉ XIX, (*cứ liệu rút từ "Sách số sang chép các việc..."*), *T/c Ngôn ngữ*, số 1, 1981, tr. 25 - 34.
18. Vũ Đức Nghiệu, Một số cứ liệu về lớp hư từ trong "Quốc âm thi tập" và "Hồng Đức quốc âm thi tập" (thế kỉ XV), *T/c Ngôn ngữ*, số 4, 1985, tr. 67 - 69.
19. Nguyễn Ngọc San, Tìm hiểu về tiếng Việt lịch sử, *Nxb GD, H.*, 1993.
20. Stankievich, N.V., Về sự diễn biến của những hư từ chỉ nguyên nhân, *T/c Ngôn ngữ*, số 4, 1985, tr. 58 - 59.
21. Stankievich, N.V., Hiện tượng giao thoa từ ngữ pháp tiếng Hán sang ngữ pháp tiếng Việt (qua cứ liệu "Khoá hư lục giải âm"), *T/c Ngôn ngữ*, số 1, 1988, tr. 31 - 35.
22. Stankievich, N.V., Một vài suy nghĩ bước đầu về việc nghiên cứu ngữ pháp lịch sử tiếng Việt, *T/c Ngôn ngữ*, số 4, 1978, tr. 27 - 34.
23. Stankievich, N.V., Nhận xét sơ bộ về một vài đặc điểm ngôn ngữ trong văn xuôi thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX, *T/c Ngôn ngữ*, số 1, 1982, tr. 26 - 33.

24. *Stankievich, N.V.*, Về quá trình hình thành chức năng quan hệ từ của “cho nên”, *T/c Ngôn ngữ*, số 2, 1984, tr. 31 - 33.
25. *Andreev N.D.*, Về vấn đề nguồn gốc tiếng Việt, *Đông phương học Xô Viết*, số 2, 1958, tr. 101 - 111 (tiếng Nga).
26. *Barinova A.N.*, Một số hiện tượng sóng đôi giữa tiếng Việt với tiếng Indonesia, trong: “*Những vấn đề ngữ văn các nước Đông Nam á*”, Nxb Đại học tổng hợp Moskva, 1965, tr. 47 - 57 (tiếng Nga).
27. *Sokolovskaja N.K.*, Thử nghiệm phục nguyên hệ thống âm vị tiếng Việt, *Luận án phó tiến sĩ khoa học ngữ văn*, Moskva, 1978 (tiếng Nga).
28. *Starostin S.A.*, Phục nguyên hệ thống âm vị Hán cổ, Nxb Khoa học, Moskva, 1989 (tiếng Nga).
29. *Davidson, Jeremy H.C.S.*, A new version of the Chinese - Vietnamese vocabulary of the Ming dynasty, *BSOAS, Vol. XXXVIII, part I*, 1975, 296 - 315 pp; *part III*, 1975, 587 - 608 pp.
30. *Diffloth G.*, Austro - asiatic languages, *International Encyclopedia of Linguistics*, W. Bright ed., Oxford University Press, 1992.
31. *Diffloth G.*, The lexical evidence for Austric, so far, *Oceanic linguistics*, Vol. 33, No. 2, 1994, 309 - 321 pp.
32. *Diffloth G.*, Proto Austroasiatic creaky voice, *MKS. XV*, 1989.
33. *Diffloth G.*, Vietnamese tonogenesis and new data on the registers of Thavung, 23 rd, *International conference on Sino - Tibetan languages and linguistics*, 1990.
34. *Diffloth G.*, Vietnamese as a Mon - Khmer language, *Papers from the first anual meeting of the Southeast Asian linguistics Society*, 1991, 125 - 139 pp.
35. *Ferlus M.*, L' infix instrumental RN en Khamou et sa trace en Vietnamien, *Cahier de linguistique Asie Orientale* No. 2, Sep., 1977, pp. 51 - 55.
36. *Ferlus M.*, Languages et peuples Viet Muong, *MKS. XXVI*, 7 - 28 pp.
37. *Ferlus M.*, Sur l'origine géographique des langues Viet - Muong, *MKS. XVIII - XIX*, 52 - 59 pp.
38. *Gregerson K.J.*, A study of Middle Vietnamese phonology, *BSEI*, 44, No. 2, 1969, 121 - 193 pp.
39. *Gregerson K.J.*, On Austronesian lexicon in Vietnamese, *Austroasiatic languages. (Essays in honour of H.L. Shorto)*, ed. by J. H. C. S. Davidson, University of London, 1991, 81 - 94 pp.
40. *Hamp E.P.*, On Mon - Khmer, its kin and principles, *Austroasiatic studies, part I*, 423 - 429 pp.
41. *Hashimoto M.J.*, Phonology of ancient Chinese, *Study of languages and cultures of Asia and Africa, Monograph series*, No. 10 and 11, 1984.
42. *Hayes, La Vaughn H.*, Vietic and Viet - Muong: a new subgrouping in Mon - Khmer, *MKS. XXI*, 211 - 227 pp.
43. *Huffman F.E.*, An examination of lexicon correspondences between Vietnamese and some other Austroasiatic languages, *Lingua*, Vol. 43, No. 2-3, Amsterdam, 1977, 171 - 198 pp.

44. *Miriam A. Barker*, Bibliography of Muong and other Vietic language groups, with notes, *M K S. XXIII*, 197 - 243 pp.
45. *Thomas D.*, Mon - Khmer subgroupings in Vietnam Studies in comparative Austroasiatic linguistics, *Mouton and Co. London, the Hague, Paris*, 1966, 194 - 213 pp.
46. *Thompson L.C.*, Proto Viet Muong phonology, *Austroasiatic Studies, part II*, *University of Hawaii Press*, 1976, 1113 - 1204 pp.